

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - CÔNG NGHỆ THÁI NGUYÊN**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA
NGÀNH NGÔN NGỮ HÀN QUỐC
MÃ NGÀNH: 7220210**

*Áp dụng cho hệ liên thông đại học, tuyển sinh
từ năm học 2024 – 2025*

THÁI NGUYÊN 2024

PHẦN III: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số: 647/2024/QĐ-TUTECH, ngày 29 tháng 8 năm 2024 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế-Công nghệ Thái Nguyên)*

Thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo
 - + Tên tiếng Việt : **Ngôn ngữ Hàn Quốc**
 - + Tên tiếng Anh : **The Korean language**
- Mã ngành đào tạo : **7220210**
- Trình độ đào tạo : **Đại học**
- Loại hình đào tạo : **Đào tạo từ xa**
- Thời gian đào tạo : **4, 5 năm**
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: **Cử nhân ngành Ngôn Ngữ Hàn Quốc**
 - + Tiếng Anh: **The Degree of Bachelor in Korean language**
- Đơn vị đào tạo: **Khoa Ngôn ngữ - Trường Đại học Kinh tế-**

Công nghệ Thái Nguyên

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc trình độ đại học, đào tạo sinh viên: Có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội. Có kiến thức sâu rộng, khả năng giao tiếp, thuyết trình và soạn thảo văn bản bằng tiếng Hàn. Có thể sử dụng tiếng Hàn như một nghề nghiệp hay một công cụ hỗ trợ phục vụ việc học tập, nghiên cứu các chuyên ngành khác. Ngoài năng lực ngôn ngữ, sinh viên còn được trang bị những hiểu biết khái quát về văn hóa, đất nước, con người Hàn Quốc. Có tính linh hoạt, khả năng thích ứng cao với nhiều môi trường làm việc trong điều kiện hội nhập quốc tế. Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp, các viện nghiên cứu có sử dụng tiếng Hàn Quốc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- *Về kiến thức:* Người học tốt nghiệp sẽ đạt chuẩn đầu ra Tiếng Hàn đạt trình độ cao cấp (cấp 4) theo chuẩn TOPIK và trình độ Tiếng Anh đạt A2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. Sinh viên có được những hiểu biết chung về văn hóa, xã hội, chính trị, lịch sử, tôn giáo, kinh tế, giáo dục và phong tục tập quán của Hàn Quốc cũng như mối quan hệ liên văn hóa Hàn - Việt và thể hiện được các kiến thức đó bằng tiếng Hàn để phục vụ công việc chuyên môn.

- *Về kỹ năng:* Người học được trang bị các kỹ năng giao tiếp cũng như khả năng tự chủ trong giải quyết vấn đề, tính sáng tạo và tự tin khi làm biên/phiên dịch cũng như cách vượt qua những áp lực để đáp ứng nhu cầu thực tế của thị trường.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Người học chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực thi đúng trách nhiệm và nghĩa vụ của công dân, nội quy của tổ chức; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; cư xử đúng mực với cấp trên, đồng nghiệp; sẵn sàng hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp hoàn thành nhiệm vụ; năng động, có ý thức trách nhiệm cao, tích cực học hỏi trong công việc, sẵn sàng nhận nhiệm vụ và luôn có tinh thần vượt khó để hoàn thành nhiệm vụ.

- *Vị trí và khả năng công tác sau tốt nghiệp:* Sinh viên tốt nghiệp ra trường có thể làm việc ở các cơ quan, doanh nghiệp, viện nghiên cứu có sử dụng tiếng Hàn Quốc và Tiếng Anh và có khả năng phát triển để trở thành chuyên gia, các nhà quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

- *Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:* Người học có khả năng tự học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ, thích ứng với môi trường làm việc trong điều kiện hội nhập quốc tế. Sau khi tốt nghiệp, người học có thể tiếp tục nghiên cứu và học tập trình độ cao hơn ở trong nước và nước ngoài.

- *Trình độ Ngoại ngữ, Tin học*

+ Có khả năng giao tiếp thành thạo bằng tiếng Hàn Quốc và tiếng Anh, đảm nhận vững vàng công tác biên dịch và phiên dịch tiếng Hàn Quốc và tiếng Anh trong các lĩnh vực kinh tế - văn hóa - xã hội và thương mại, người học tốt nghiệp sẽ đạt chuẩn ngoại ngữ tiếng Anh theo khung tham chiếu Châu Âu (B1).

+ Sử dụng được một số phần mềm tin học ứng dụng thông thường để soạn thảo văn bản, tính toán; sử dụng tốt công cụ Internet để thu thập, trao đổi thông tin nghiên cứu phục vụ cho công việc.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1 Kiến thức

- Phân tích các văn bản nói và viết dưới góc độ ngôn ngữ;
- Phân tích, so sánh đặc điểm văn hóa với các nước phương Đông;
- Vận dụng các kiến thức ngôn ngữ học và công việc chuyên ngành;

2.2 Kỹ năng

- Sử dụng các kỹ năng ngôn ngữ (Nghe, Nói, Đọc và Viết) trong giao tiếp hằng ngày và các tình huống giao tiếp công việc một cách chính xác và lưu loát;
- Trình bày chính xác các văn bản viết thương mại bằng tiếng Hàn;
- Thuyết trình bằng tiếng Hàn một cách tự tin và hiệu quả;
- Biên dịch, phiên dịch chính xác các tài liệu không mang tính chuyên môn sâu hoặc các tình huống giao tiếp thông thường;
- Xác định được vấn đề nghiên cứu và thực hiện các đề tài nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực ngôn ngữ Hàn quy mô nhỏ theo nhóm hoặc cá nhân;
- Vận dụng các kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm một cách hiệu quả, tự học và học tập suốt đời;
- Hoạch định, tổ chức, quản lý các hoạt động liên quan đến chuyên môn;
- Sử dụng tin học và ngoại ngữ trong công việc chuyên môn;

2.3 Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm

- Có sức khỏe tốt, phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm công dân: trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị, có lòng yêu nước;

2.4 Tin học

- Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản;

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4,5 năm.

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

127 chỉ (không tính học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh).

5 .VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN CỦA NGƯỜI HỌC SAU TỐT NGHIỆP

Làm việc trong:

- Các doanh nghiệp liên doanh với Hàn Quốc hoặc các doanh nghiệp Việt có chuyên gia người Hàn Quốc.
- Viện, trung tâm nghiên cứu, cơ sở đào tạo, các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, có chức năng nghiên cứu, đào tạo tiếng Hàn và văn hóa Hàn.
- Nghiên cứu và giảng dạy trong các viện nghiên cứu, trong các cơ sở đào tạo (cao đẳng và đại học), dạy nghề có sử dụng ngôn ngữ Hàn Quốc.
- Các đơn vị quản lý nhà nước có sử dụng ngôn ngữ Hàn Quốc.

6. KHẢ NĂNG HỌC TẬP SAU KHI RA TRƯỜNG

- Có khả năng tự hoạch định kế hoạch đào tạo và tự đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
- Có khả năng nghiên cứu chuyên sâu và tiếp tục học tập ở các chương trình đào tạo bậc cao hơn như chương trình đào tạo sau đại học (Thạc sỹ, Tiến sỹ ...) tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.
- Thực hiện được các nghiên cứu khoa học về ngôn ngữ Hàn và văn hóa Hàn.

7. PHƯƠNG THỨC VÀ ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

7.1. Phương thức tuyển sinh

Phương thức tuyển sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT

7.2. Các đối tượng tuyển sinh bao gồm :

- Học viên có bằng tốt trung học phổ thông hoặc tương đương
- Phạm vi tuyển sinh : trên phạm vi cả nước và nước ngoài.

8. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

8.1 Quy trình đào tạo:

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.
- Quá trình đào tạo được tổ chức theo khóa học và năm học. Một năm có ba học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 2 tuần kiểm tra, thi. Ngoài ba học kỳ chính, Nhà trường sẽ tổ chức thêm một học kỳ phụ để cho những sinh viên thi không đạt ở các học kỳ chính được học lại.

8.2 Điều kiện tốt nghiệp

- Sinh viên hoàn tất chương trình đào tạo được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp theo Điều 26, Chương IV tại Quy chế⁵ đào tạo đại học chính quy theo hệ thống

tin chi ban hành kèm theo Quyết định số 686/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

- Đạt trình độ tiếng Anh, trình độ Tin học theo quy định hiện hành
- Đạt chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh;
- Chứng chỉ Giáo dục thể chất

9. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CỦA NGÀNH

9.1 Đội ngũ giảng viên, chuyên viên cơ hữu giảng dạy CTĐT

TT	Học hàm – học vị	Số lượng				Ghi chú
		GV cơ hữu	Cán bộ QL	Nhân viên	Tổng	
1	Giáo sư	01	01		02	
2	P. Giáo sư	01			01	
3	Tiến sĩ	04			04	
4	Thạc sĩ	27			27	
5	Cử nhân	02			02	
	Tổng cộng				36	

9.2 Thư viện

Thư viện của Trường bao gồm thư viện sách, thư viện điện tử và các thư viện liên kết theo hợp đồng có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Thư viện của Trường dùng chung cho các ngành đào tạo.

Thư viện Trường được xây dựng năm 2013 với tổng diện tích thư viện: 300 m² và các hạng mục cụ thể trong bảng 2.4

Bảng 2.4. Thống kê về thư viện

TT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
1	Số phòng đọc	2	
2	Số chỗ ngồi đọc	150	
3	Số máy tính của thư viện	15	
4	Số lượng đầu sách, tạp chí (bản cứng)	5.000	
5	Phần mềm quản lí thư viện	1	
6	Số thư viện điện tử liên kết	3	

Thư viện TUETECH được trang bị hệ thống phần mềm quản lí thư viện chuyên nghiệp (Phần mềm thư viện điện tử trường đang sử dụng: Elib; Địa chỉ truy cập: <http://thuvien.vietbac.edu.vn/>). Toàn bộ hệ thống sách được mã hóa bằng tem từ và kiểm soát hoàn toàn tự động. Công an ninh check in-out cho phép đảm bảo an ninh tốt nhất cho tài nguyên của Thư viện. Việc kết nối dữ liệu với Thư viện Quốc gia và một số thư viện trên thế giới cho phép người đọc có thể khai thác những nguồn tài nguyên rất lớn phục vụ công tác học tập và giảng dạy.

9.2.1 Thư viện sách dung chung cho sinh viên toàn trường

Thư viện sách của TUETECH có trên 450 đầu sách tương ứng với 1954 quyển, trong đó có tài liệu ngành kinh tế 396 quyển, tài liệu ngành kỹ thuật 540 quyển, tài liệu các môn cơ sở 581 quyển, Đề tài khoa học và tạp chí 437 quyển, có nhiều tài liệu điện tử. Hàng năm Trường đều mua thêm tài liệu tham khảo, giáo trình, sách giáo khoa bổ sung cho từng chuyên ngành đào tạo để đáp ứng nhu cầu của độc giả.

PHẦN II: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

<i>Mã học phần</i>	<i>Tên học phần</i>	<i>Số tín chỉ</i>	<i>Điều kiện tiên quyết</i>	<i>Số giờ</i>
	Giáo dục đại cương (36 tín chỉ)			
BPP301	Triết học Mác-Lê nin	3		

BBP202	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	2		
BBP203	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		
BBP204	Lịch sử đảng CSVN	2		
BPP205	Tư tưởng HCM	2		
BPP301	Triết học Mác-Lê nin	3		
BBP202	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	2		
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện tiên quyết	Số giờ
	1.2 Khoa học xã hội	12		
BFS206	Pháp luật đại cương	2		
BSH307	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2		
BSH208	Dẫn luận ngôn ngữ	3		
	Tự chọn	5		
BSH309	Ngôn ngữ học đối chiếu	3		
BSH310	Ngôn ngữ học đại cương	3		
BSH211	Tiếng Việt thực hành	2		
BSH212	Logic học đại học	2		
BSH213	Kỹ năng mềm	2		
	1.3 Ngoại ngữ - Tin học	13		
BFL337	Tin học đại cương	3		
BFL338	Ngoại ngữ 2 (1)	3		
BFL439	Ngoại ngữ 2 (2)	3		
BPE115	Ngoại ngữ 2 (3)	4		
	2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	79		
	2.1 Kiến thức cơ sở ngành	54		
BFLK401	Tiếng hàn sơ cấp 1-1	4		
BFLK402	Tiếng hàn sơ cấp 1-2	4		

BFLK403	Tiếng hàn sơ cấp 2-1	4		
BFLK404	Tiếng hàn sơ cấp 2-2	4		
BFLK405	Tiếng hàn trung cấp 3-1	4		
BFLK406	Tiếng hàn trung cấp 3-2	4		
BFLK407	Tiếng hàn trung cấp 4-1	4		

<i>Mã học phần</i>	<i>Tên học phần</i>	<i>Số tín chỉ</i>	<i>Điều kiện tiên quyết</i>	<i>Số giờ</i>
BFLK408	Tiếng hàn trung cấp 4-2	4		
BFLK409	Tiếng hàn cao cấp 5-1	4		
BFLK410	Tiếng hàn cao cấp 5-2	4		
BFLK411	Tiếng hàn cao cấp 6-1	4		
BFLK412	Tiếng hàn cao cấp 6-2	4		
BFLK213	Ngữ pháp tiếng Hàn 1	2		
BFLK214	Ngữ pháp tiếng Hàn 2	2		
BFLK228	Lý thuyết dịch tiếng Hàn	2		
BFLK408	Tiếng hàn trung cấp 4-2	4		
BFLK409	Tiếng hàn cao cấp 5-1	4		
BFLK410	Tiếng hàn cao cấp 5-2	4		
	Kiến thức chuyên ngành			
BFLK215	Dịch viết 1	2		
BFLK216	Dịch nói 1	2		
BFLK217	Dịch viết 2	2		
BFLK218	Dịch nói 2	2		
BFLK219	Dịch viết 3	2		
BFLK220	Dịch nói 3	2		
BFLK221	Chữ Hán trong tiếng Hàn 1	2		
BFLK222	Chữ Hán trong tiếng Hàn 2	2		
	Tự chọn			
BFLK324	Tiếng Hàn thương mại	3		
BFLK326	Thư tín thương mại Hàn Quốc	3		

	3.Tốt nghiệp	12		
	Thực tập tốt nghiệp	4		
	Khóa luận tốt nghiệp	8		
	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp sau:			
	TỔNG	127		

II. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, HỌC TẬP, ĐÁNH GIÁ

a. Các phương pháp giảng dạy

Lấy người học làm trung tâm, kết hợp lý thuyết và thực hành thông qua các hoạt động dạy và học đa dạng như thuyết trình, thảo luận, làm bài tập, thực hành

thực nghiệm... nhằm tăng cường khả năng tự học của sinh viên, nâng cao kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn, phát triển kỹ năng mềm cần thiết cho hoạt động nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp, phương châm học tập suốt đời.

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.
Dạy theo nhóm	Cung cấp cho sinh viên cách thức học tập của nhóm người có sự phối hợp thống nhất, chặt chẽ với nhau để cùng nhận dạng, phân tích và luận giải các vấn đề học tập đặt ra, từ đó lĩnh hội, củng cố và mở rộng kiến thức đã được học và vận dụng chúng trong quá trình thi - kiểm tra đạt kết quả cao
Mô phỏng	Cung cấp cho sinh viên cách thức đặt mình vào bối cảnh phải đưa ra quyết định hoặc cách thức đề giải quyết một vấn đề có trong tình huống.
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.
Thao tác mẫu	Giúp sinh viên hiểu rõ và có kỹ năng trong các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu

b. Các phương pháp học tập

Học tập chủ động, kết hợp học lý thuyết và thực hành thông qua các hoạt động thảo luận, làm bài tập, thực hành, thực nghiệm, tham quan, tìm hiểu thực tiễn... nhằm tăng cường khả năng tự học của sinh viên, nâng cao kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn, phát triển kỹ năng mềm cần thiết cho hoạt động nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp.

Phương pháp học tập	Mục đích
Lên lớp nghe giảng	Tiếp thu những kiến thức cốt lõi

Thảo luận nhóm	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, bổ sung các kiến thức
Tham quan, tìm hiểu thực tế, thực hành, thực tập	Nâng cao kiến thức thực tế và kỹ năng nghề nghiệp

c. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá

i. Cách thức đánh giá chung toàn khóa

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ thông qua các tiêu chí sau:

- Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).
- Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần (cả đạt và không đạt) mà sinh viên đăng ký trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.
- Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B+, B, C+, C, D+, D, tính từ đầu khóa học.
- Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B+, B, C+, C, D+, D, mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

ii. Cách thức đánh giá chung toàn khóa

Đối với học phần lý thuyết (hoặc lý thuyết có thực hành môn học, tiểu luận, thảo luận)

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được xác định bởi các loại điểm: Điểm thi kết thúc học phần và Điểm quá trình (là điểm trung bình các điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy).

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ - tính hệ số 2:
 - + Là điểm kiểm tra hết chương hoặc hết từng phần chính của học phần (thời gian làm bài là 1 tiết), kiểm tra phần thực hành môn học, điểm tiểu luận.
 - + Số lần kiểm tra định kỳ: quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.
 - + Điểm kiểm tra thường xuyên - tính hệ số 1:
 - + Là điểm kiểm tra hỏi đáp đầu giờ hoặc trong giờ lên lớp, kiểm tra từ 15 phút trở xuống, kiểm tra nhận thức và thái độ tham gia thảo luận của sinh viên trong giờ học.
 - Số lần kiểm tra thường xuyên: Khoa, tổ môn quy định số lần kiểm tra tối thiểu cho từng học phần.
 - Điểm chuyên cần - có hệ số bằng số tín chỉ của học phần đó.
 - Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp và mức độ hoàn thành những nhiệm vụ do giảng viên giao, cụ thể như sau:
 - *Theo thời gian tham gia học tập trên lớp:*
 - + Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình được tính : 8 điểm.
 - + Nghỉ học dưới 20% số tiết trong chương trình được tính: 6 điểm.
 - + Nghỉ học từ 20% đến 30% số tiết trong chương trình được tính: 4 điểm.
 - + Nghỉ học từ 30% đến 50% số tiết trong chương trình được tính: 2 điểm.
 - + Nghỉ học từ 50% số tiết trong chương trình trở lên được tính: 0 điểm.
 - *Theo mức độ hoàn thành những nhiệm vụ của giảng viên giao: Do giảng viên giảng dạy chủ động đánh giá, điểm số tối đa là 2 điểm.*
 - Số lần đánh giá điểm chuyên cần : 1 lần, vào khi kết thúc học phần.
- b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận, thi kết thúc học phần do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai
 1. *Đối với các học phần thực hành:*
 - a. Điểm đánh giá bộ phận là điểm đánh giá các bài thực hành trong quá trình giảng dạy, điểm này được làm tròn đến một chữ số thập phân.
 - b. Số lần đánh giá các bài thực hành: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận trừ bài thi kết thúc học phần.

GHI CHÚ:

1. Điểm đánh giá bộ phận, điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần, điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần được xác định như sau:

- Đối với học phần lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thực hành môn học, thí nghiệm, thảo luận: Điểm học phần được tính bằng 40% điểm quá trình cộng với 60% điểm thi kết thúc học phần;

- Đối với học phần thực hành, thực tập: Điểm học phần là điểm trung bình của các điểm đánh giá bộ phận.

1. Điểm học phần được chuyển thành điểm chữ như sau:

Loại đạt	A (8,0 – 10,0)	Xuất sắc
	B (6,5 – 7,9)	Giỏi
	C (5,5 – 6,9)	Khá
	D (4,0 - 5,4)	Trung bình
Loại không đạt	F (0,0 - 3,9)	Kém

2. Đối với học phần Thực tập tốt nghiệp, làm đồ án tốt nghiệp

- Việc đánh giá mỗi đồ án, khóa luận tốt nghiệp được quy định trong văn bản riêng do Hiệu trưởng ban hành.

- Điểm của đồ án, khóa luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm theo quy định tại Điều 22 của Quy chế đào tạo Đại học theo hệ thống tín chỉ (ban hành kèm theo QĐ số 408 ngày 31 tháng 08 năm 2015). Kết quả chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 1 tuần, kể từ ngày nộp đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Điểm đồ án, khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

- Sinh viên có đồ án, khóa luận tốt nghiệp bị điểm F+, F, phải đăng ký làm lại đồ án, khóa luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần

chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

II. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. *Xây dựng kế hoạch thực hiện*

Căn cứ chương trình toàn khóa và từng học kì, Phòng Đào tạo xây dựng Kế hoạch cho từng kì, từng năm và toàn khóa và tổ chức thực hiện. Toàn bộ chương trình được thực hiện trong thời gian 2,5 năm, mỗi năm học được chia thành 3 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết. Sinh viên được đào tạo theo học chế tín chỉ, áp dụng quy chế, quy định đào tạo đại học hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của quy chế Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên.

Đối với hệ cấp bằng cử nhân, Chương trình đào tạo được thực hiện trong 2,5 năm gồm 8 học kỳ, trong đó 6 học kỳ tích lũy kiến thức và làm đồ án tốt nghiệp tại trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên và 02 học kỳ thực tập thực tế tại cơ sở liên kết (đủ điều kiện cấp chứng chỉ nghề nghiệp). Cuối khóa sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp hoặc hoàn thành các học phần thay thế tốt nghiệp.

Đối với những sinh viên có nguyện vọng được cấp bằng Cử nhân thì kết thúc học kỳ 7 sẽ đi thực tập tốt nghiệp và làm đồ án tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế. Những sinh viên có nguyện vọng học tiếp để được cấp bằng Kỹ sư tiếp tục học theo kế hoạch (thêm 02 học kỳ).

2. *Tổ chức đánh giá kết quả học tập*

2.1 *Cách thức đánh giá chung toàn khóa*

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ thông qua các

tiêu chí sau:

- Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).
- Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần (cả đạt và không đạt) mà sinh viên đăng ký trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.
- Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B+, B, C+, C, D+, D, tính từ đầu khóa học.
- Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B+, B, C+, C, D+, D, mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

2.2 Cách thức đánh giá học phần

- Đối với học phần lý thuyết (hoặc lý thuyết có thực hành môn học, tiểu luận, thảo luận)
- + Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được xác định bởi các loại điểm : điểm thi kết thúc học phần và điểm quá trình (là điểm trung bình các điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy).

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau: Điểm kiểm tra định kỳ - tính hệ số 2:

Là điểm kiểm tra hết chương hoặc hết từng phần chính của học phần (thời gian làm bài là 1 tiết), kiểm tra phần thực hành môn học, điểm tiểu luận.

Số lần kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

Điểm kiểm tra thường xuyên - tính hệ số 1:

Là điểm kiểm tra hỏi đáp đầu giờ hoặc trong giờ lên lớp, kiểm tra từ 15 phút trở xuống, kiểm tra nhận thức và thái độ tham gia thảo luận của sinh viên trong giờ học.

Số lần kiểm tra thường xuyên: Khoa, Bộ môn quy định số lần kiểm tra tối thiểu cho từng học phần.

Điểm chuyên cần - có hệ số bằng số tín chỉ của học phần đó.

Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp và mức độ hoàn

thành những nhiệm vụ do giảng viên giao.

Số lần đánh giá điểm chuyên cần: 1 lần, vào thời điểm kết thúc học phần.

+ Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận, thi kết thúc học phần do Bộ môn đề xuất và phải được quy định công khai trong đề cương chi tiết của học phần.

- Đối với các học phần thực hành:

+ Điểm đánh giá bộ phận là điểm đánh giá các bài thực hành trong quá trình giảng dạy, điểm này được làm tròn đến một chữ số thập phân.

+ Số lần đánh giá các bài thực hành: được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

+ Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận trừ bài thi kết thúc học phần.

- Đối với học phần Thực tập cuối khóa, đồ án tốt nghiệp

Điểm của đồ án, khóa luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm theo quy định tại Điều 22 của Quy chế đào tạo Đại học theo hệ thống tín chỉ (ban hành kèm theo QĐ số 408 ngày 31 tháng 08 năm 2015). Kết quả chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 1 tuần, kể từ ngày nộp đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Điểm đồ án, khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

Sinh viên có đồ án, khóa luận tốt nghiệp bị điểm F+, F, phải đăng ký làm lại đồ án, khóa luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

Một số ghi chú khi thực hiện

- Điểm đánh giá điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần, điểm học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần được xác định như sau:
- Đối với học phần lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thực hành môn học, thí nghiệm, thảo luận: Điểm học phần được tính bằng 40% điểm quá trình cộng với 60% điểm thi kết thúc học phần;
- Đối với học phần thực hành, thực tập: Điểm học phần là điểm trung bình của các điểm đánh giá bộ phận.

2.3. Quy đổi kết quả đánh giá

Điểm học phần được chuyển thành điểm chữ như sau:

Loại đạt	A (8,0 – 10,0)	Xuất sắc
	B (6,5 – 7,9)	Giỏi
	C (5,5 – 6,9)	Khá
	D (4,0 - 5,4)	Trung bình
Loại không đạt	F (0,0 - 3,9)	Kém

3. Trách nhiệm của giáo viên và sinh viên

3.1 Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp;
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp;
- Tổ chức cho sinh viên các buổi thảo luận, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch;

3.2 Đối với sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ. Phải tự nghiên cứu bài học trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng. Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của

giảng viên. Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi thảo luận;

- Chủ động, tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp. Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá. Thường xuyên tham gia các hoạt động đoàn thể, văn thể-mỹ để rèn luyện kỹ năng giao tiếp, hiểu biết về xã hội và con người;

Các đối tượng tuyển sinh bao gồm :

- Học sinh có bằng tốt nghiệp THPT,
- Người có bằng Bổ túc THPT hoặc tương đương.
- Phạm vi tuyển sinh : trên phạm vi cả nước

III. CAM KẾT TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Cam kết công khai thông tin

- Toàn bộ hồ sơ của Đề án mở ngành, bao gồm : Đề án mở ngành, Chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra, Đề cương chi tiết các môn học ...
- Các thông tin về 03 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên cũng như các thông tin liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu của Nhà trường

Nhà trường sẽ công bố trên cổng thông tin điện tử của Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên tại địa chỉ: <https://www.tuetech.edu.vn>.

2. Cam kết đảm bảo chất lượng

Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên cam kết thực hiện nghiêm túc các Quy chế, Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; công khai minh bạch mọi thông tin trong quá trình hoạt động và đảm bảo chất lượng giáo dục, đảm bảo quyền lợi cho người học.

IV. THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH CTĐT

Thời điểm điều chỉnh: ngày 29 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định số 647/2024/QĐ-TUETECH của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên

HIỆU TRƯỞNG

GS. TS Nguyễn Đăng Bình

